TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU ĐỨC** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST Ngày: 18-04-2023 "V/v Tranh chấp ly hôn"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đào Trọng Hải**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Hạnh**.

2. Bà **Võ Lệ Huyền**.

-Thư ký phiên tòa: Bà **Tạ Thị Mỹ Hạnh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà **Ngô Thị Hồng Phương** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 376/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2023QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1970.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 48, thôn VS, xã Nghĩa Thành, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Chổ ở hiện nay: Tổ 48, thôn VS, xã Nghĩa Thành, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1966.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 17, thôn ĐM, xã Suối Nghệ, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Chổ ở hiện nay: Tổ 17, thôn ĐM, xã Suối Nghệ, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

(Chị D có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, anh T vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:\

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày: Sau khi tìm hiểu một thời gian chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Văn T tổ chức lễ cưới trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 12 năm 2000 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Suối Nghệ, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận và hạnh phúc đến năm 2011 thì thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cải vã. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên thường hay cải vả, không có hạnh phúc. Mặc dù chị D cố tình nhẫn nhịn để gia đình hạnh cùng nhau nuôi dạy con chung, nhưng không những không có kết quả, mà cuộc sống vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng không quan tâm nhau, không khí trong gia đình trở nên ngột ngạt, căng thẳng. Do mâu thuẫn không thể hòa giải được nên anh T bỏ về gia đình cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó. Sau đó được hai gia đình khuyên nhủ nhưng vẫn không cải thiện được.

Trong thời gian sống ly thân cho đến nay đã lâu chị D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung của vợ chồng không thể hòa hợp, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Do vậy, chị D đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn T

Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Văn T có hai con chung là Phạm Thị Thu H, sinh năm: 2001; Phạm Nguyễn Thảo Ng, sinh ngày 13/11/2011. Hiện cháu H đã trưởng thành còn cháu Ng đang sinh sống với chị D. Chị D yêu cầu được nuôi cháu Ng và không yêu cầu anh Phạm Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Đối với anh Phạm Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do vì vậy không thể lấy lời khai và tiến hành hòa giải được.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng

dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng phần quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Văn T có hai con chung là Phạm Thị Thu H,sinh năm: 2001; Phạm Nguyễn Thảo Ng, sinh ngày 13/11/2011. Hiện cháu H đã trưởng thành còn cháu Ng đang sinh sống với chị D

Do Cháu Ng được chị D nuôi dưỡng từ khi vợ chồng ly thân, và cháu phát triển tốt. Vì vậy giao cháu Ng cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh Phạm Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị D và anh T sống chung với nhau có đăng ký kết hôn, nay chị D yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nơi cư trú của anh T ở xã Suối Nghệ, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu, nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị D vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị D.

Anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai (không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan) nhưng vẫn vắng mặt căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị D và anh T trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 12 tháng 12 năm 2000 tại UBND xã Suối Nghệ, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, từ năm 2011 thì phát sinh mẫu thuẫn.

Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, có nhiều ý kiến khác biệt không thể dung hòa nên thường xuyên cải vả. Mặc dù chị D cố nhịn để vợ chồng hòa thuận cùng nuôi dạy con chung nhưng vẫn không hàn gắn được, mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Do mâu

thuẫn nên vợ chồng không quan tâm tới nhau, không khí trong gia đình trở nên ngột ngạt, căng thẳng. Trong thời gian chung sống anh T thấy mâu thuẫn xảy ra càng nhiều nên đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân gia đình hai bên có khuyên nhũ, hàn gắn nhưng không thành, tình càm vợ chồng càng phai nhạt. tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trở lên căng thẳng trầm trọng hơn. Cho đến nay căng thẳng vẫn không giảm và hòa hợp được.

Trong thời gian sống ly thân cho đến nay chị D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung của vợ chồng không thể hòa hợp, mục đích hôn nhân không thể đạt được.

Từ những mâu thuẫn kéo dài, thường xảy ra cãi vã xung đột nên dẫn đến vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau, cuộc sống vợ chồng trở nên buồn chán, và ngày càng căng thẳng làm cho vợ chồng không còn muốn gần gũi. Do mâu thuẫn kéo dài mà không được xoa dịu và hàn gắn nên làm cho mâu thuẫn ngày trầm trọng hơn.

Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của chị D, Tòa án đã tiến hành triệu tập anh T để làm việc và hoà giải về quan hệ hôn nhân, nhưng anh T vẫn cố tình không đến, không lý do, điều đó chứng tỏ anh T không có thiện chí để đoàn tụ với chị D để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nuôi dạy con chung. Ngoài ra theo kết quả xác minh thì mâu thuẫn giữa chị D và anh T là có thật. Từ khi vợ chồng mâu thuẫn đến nay đã trải qua một thời gian dài và đã ly thân nhưng vợ chồng cũng không có biện pháp gì để hàn gắn lại hạnh phúc của gia đình.

Như vậy, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh T ngày càng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị D được ly hôn với anh T là có căn cứ.

[3] Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Văn T có hai con chung là Phạm Thị Thu H, sinh năm: 2001; Phạm Nguyễn Thảo Ng, sinh ngày 13/11/2011. Hiện cháu H đã trưởng thành còn cháu Ng đang sinh sống với chị D.

Do Cháu Ng được chị D nuôi dưỡng từ khi vợ chồng ly thân, và cháu phát triển tốt. Vì vậy nghĩ giao cháu Ng cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ. Ghi nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh Phạm Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị D phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (DSST) đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 56, khoản 3 điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Văn T.

2. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Văn T có hai con chung là Phạm Thị Thu H, sinh năm: 2001; Phạm Nguyễn Thảo Ng, sinh ngày 13/11/2011.

Cháu Phạm Thị Thu Hg, sinh năm: 2001 đã trưởng thành.

Giao cháu Phạm Nguyễn Thảo Ng cho chị Nguyễn Thị D tiếp tục nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh Phạm Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Phạm Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) mà chị D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008150 ngày 27 tháng 7 năm 2022; Chị Nguyễn Thị D nộp xong án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18-4-2023) các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xin xét xử phúc thẩm, đối với các đương sự vắng mặt được tính từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh BR- VT;
- VKSND H. Châu Đức;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H. Châu Đức;
- UBND xã Suối Nghệ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đào Trọng Hải